TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số 19/2018/DS-PT Ngày 27-4-2018 V/v tranh chấp quyền sử dụng đất (*con đường đi*)	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thông;
Các thẩm phán: Ông Nguyễn Tài Sử;
Ông Lê Quốc Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Duy Cường – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Cần – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2018/TLPT-DS ngày 27/02/2018 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2018/DS-ST ngày 22/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2018/QĐ-PT ngày 23/3/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Bùi Quang M – Có mặt.
Địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng T là Luật sư của Công ty TNHH MTV Đ, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk.
Địa chỉ: 132 A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tiến C và bà Triệu Thị G
Người đại diện theo ủy quyền của bà Triệu Thị G: Ông Nguyễn Tiến C (theo văn bản ủy quyền ngày 15/6/2016).
Địa chỉ: Thôn 3, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:
NLQ1 - Có mặt.
Địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.
NLQ2 - Có đơn xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

- *Người làm chứng:*

NLC1; NLC2 - (vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Số nhà 81 N, TP. B, tỉnh Đăk Lăk.
NLC3 – Có mặt.
Địa chỉ: Thôn 3, xã H, TP. B, tỉnh Đăk Lăk.
- *Người kháng cáo*: Ông Bùi Quang M – nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/6/2016 của ông Bùi Quang M và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn trình bày:

Năm 2010 ông Bùi Quang M có nhận chuyển nhượng của NLC1 02 thửa đất rẫy tọa lạc tại Thôn G, xã Đ, huyện K và một số tài sản khác, trong đó có 01 hồ nước, 09 cuộn ông chìm và 04 cuộn ống nổi. Khi chuyển nhượng NLC1 có giao cho ông M 01 "*giấy chứng nhận con đường đi*" (BL 237) và 01 "*Giấy xác nhận lối đi*" (BL 238) và bàn giao đường đi này cho ông M. Ở giữa con đường này NLC1 đã chôn sẵn ống nước tưới từ rẫy đến hồ nước. Sau khi nhận chuyển nhượng ông M sử dụng con đường để đi lại và tưới nước không có tranh chấp gì. Sau này ông Nguyễn Tiến C nhận chuyển nhượng thửa đất rẫy của NLC3 thì giữa ông và ông C đã xác định ranh giới, ông C có trồng 01 hàng cây sống để làm ranh giới giữa đất của ông C với con đường đi xuống hồ nước của ông M.

Năm 2015 ông C xây bờ chắn đầu vào của con đường không cho gia đình ông M đi lại trên con đường này nữa. Đến ngày 26/4/2016, ông C đào hết ống nước của gia đình ông M lên và múc hố trồng cà phê trên diện tích con đường này. Vì vậy, ông M yêu cầu ông Nguyễn Tiến C và bà Triệu Thị G phải trả lại con đường có chiều dài khoảng 250m, chiều rộng khoảng 02m đến 03m và bồi thường thiệt hại do ống nước bị thủng, trầy xước theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/11/2016, ông M có đơn yêu cầu bổ sung buộc ông C bà G phải đền bù cho ông 10.080.000 đồng, trong đó tiền mua nước tưới, thuê người tưới cà phê là 4.500.000đồng, tiền ống nước bị hư hỏng là 4.000.000 đồng, tiền thuê người lấp ống là 580.000 đồng, tiền thuê người đào rãnh lấp ống sau khi giải quyết xong là 1.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết bị đơn và là người đại diện theo ủy quyền của bà Triệu Thị G: ông Nguyễn Tiến C trình bày:

Năm 1997 ông và em gái là NLC3 có nhận chuyển nhượng của ông Mai Ngọc C (*Hiện nay đã chết*) và NLQ2 thửa đất có diện tích khoảng 02ha tọa lạc tại thôn G, xã Đ, huyện K. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông C, NLC3 chia đất sử dụng. Đến năm 1999 chồng NLC3 chết nên NLC3 đã chuyển nhượng lại diện tích đất này cho gia đình ông C sử dụng. Đến năm 2009 NLC1 đến xin chôn nhờ ống qua phần đất rẫy của gia đình ông để dẫn nước tưới từ hồ nước dưới khe lên rẫy cà phê thì ông đồng ý. Sau khi NLC1 chuyển nhượng lại rẫy cho ông Bùi Quang M, quá trình sử dụng ông M làm hư hỏng cây cối và tài sản trên đất của gia đình ông nên ông không cho ông M chôn nhờ ống nữa. Năm 2014 ông đã

yêu cầu ông M dỡ ống nước ra khỏi diện tích đất trên nhưng ông M không thực hiện. Đến tháng 4/2016 ông đào ống lên và trồng cây cà phê trên một phần diện tích còn đường đi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ2 trình bày:

Năm 1997 vợ chồng bà chuyển nhượng cho 02 anh em nhà ông C NLC3 một thửa đất tọa lạc tại thôn G, xã Đ, huyện K. NLQ2 đã nhận đủ tiền và giao đất cho gia đình ông C, bà G sử dụng từ đó đến nay không có tranh chấp, hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà nhưng vướng thủ tục pháp lý nên chưa sang tên cho ông C, bà G được. Đối với tranh chấp giữa ông M và ông C bà không biết và không liên quan gì. Đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2018/DS-ST ngày 22/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện K đã quyết định:

Chấp nhận môt phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Quang M.

Đình chỉ xét xử đối với khoản tiền 1.000.000 đồng trong số tiền 10.080.000 đồng mà ông M yêu cầu bổ sung ngày 31/11/2016.

Buộc ông Nguyễn Tiến C, bà Triệu Thị G phải bồi thường cho ông Bùi Quang M tiền ống nước bị hư hỏng và tiền công lắp cùm là 580.000 đồng, tiền mua nước tưới, thuê công là 4.500.000 đồng, tổng cộng số tiền 5.080.000 đồng.

Bác yêu cầu của ông Bùi Quang M đòi ông Nguyễn Tiến C, bà Triệu Thị G bồi thường tiền ống bị hư hỏng và tiền thuê người lấp ống là 4.000.000 đồng.

Bác yêu cầu của ông Bùi Quang M đòi ông Nguyễn Tiến C, bà Triệu Thị G phải trả lại con đường.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm tuyên về phần lãi suất chậm thi hành án, án phí, chi phí xem xét thẩm định và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/02/2017, ông Bùi Quang M làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, ông cho rằng giữa bị đơn và người làm chứng có mối quan hệ thân thiết nên lời khai không trung thực khách quan, giải quyết việc bồi thường không thoả đáng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và khẳng định NLC3 đã bán con đường hiện nay đang tranh chấp cho NLC1, nên NLC1 mới đưa máy múc san ủi mặt bằng làm đường đi và chôn ống nước vị trí giữa con đường. Tại thời điểm chuyển nhượng NLC1 đã bàn giao giấy chứng nhận con đường đi đồng thời viết một giấy xác nhận lối đi, không liên quan đến con đường phía sau nhà ông C, vì con đường này chỉ đi xuống hồ nước của nhà ông C.

Ông Nguyễn Tiến C cho rằng trước đây do tình cảm nên ông có cho NLC1 chôn nhờ ống nước và đưa máy vào múc san ủi con đường đi xuống hồ tưới nước cho thuận tiện việc đi lại. Sau khi NLC1 chuyển nhượng rẫy lại cho ông M thì ông C vẫn cho ông M sử dụng con đường này. Quá trình sử dụng do gia đình ông M đi lại làm hư hỏng cây trồng, vét đường cho nước chảy vào rẫy của gia đình ông, nên ông không cho gia đình ông M sử dụng con đường này nữa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn xác định: Trong quá trình NLC1 sử dụng đất có mua con đường đi của NLC3 với giá 01 chỉ vàng 97% (BL 237), NLC1 đã chôn ống nước dưới con đường đi và sử dụng ổn định. Sau khi chuyển nhượng rẫy cho ông M, NLC1 có bàn giao 09 cuộn ống chìm và 04 cuộn ống nổi đồng thời bàn giao cho ông M giấy chứng nhận con đường đi và giấy xác nhận lối đi, gia đình ông M tiếp tục sử dụng con đường này đến năm 2016 mới xảy ra tranh chấp. Ông C đào ống nước lên và trồng cây cà phê trên con đường không cho gia định ông M đi lại để tưới cà phê. NLC3 và ông C cho rằng bán cho NLC1 con đường phía sau nhà ông C thì không liên quan đến giấy chứng nhận con đường đi mà NLC1 giao lại cho ông M. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/4/2018 thể hiện: Con đường phía sau nhà ông C chỉ đi xuống hồ nước của gia đình ông C, không có lối đi qua hồ nước của gia đình ông M và cũng không có lối đi qua rẫy phía bên kia suối của gia đình NLC1 hiện nay đã chuyển nhượng cho ông M1 (*cán bộ tư pháp xã*). Do đó, NLC1 không thể mua của NLC3 con đường mà không có lối đi đến hồ nước của gia đình ông như lời trình bày của ông C, NLC3.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông M là có căn cứ vì ông C đã tự đào ống nước của gia đình ông M làm hư hỏng, trầy xước và không cho gia đình ông M đi lại tưới nước, nên gia đình ông M phải mua nước và thuê người tưới cà phê. Vì vậy, ông C phải chịu trách nhiệm bồi thường cho gia đình ông M toàn bộ số tiền mà ông M yêu cầu bồi thường. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Quang M, sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2018/DS-ST ngày 22/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện K. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Quang M, buộc ông C, bà G phải chặt bỏ 26 cây cà phê trồng trên con đường đi xuống hồ nước của gia đình ông M để trả lại con đường đi cho gia đình ông M được quyền sử dụng và bồi thường cho ông M toàn bộ thiệt hại do ông C gây ra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

- Đơn kháng cáo của ông Bùi Quang M làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là đúng pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đều tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi tranh tụng tại phiên toà, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Quang M, sửa bản án sơ thẩm số: 01/2018/DS-ST ngày 22/01/2018 của Toà án nhân dân huyện K theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Quang M, buộc ông Nguyễn Tiến C, bà Triệu Thị G phải chặt bỏ 26 cây cà phê trồng trên con đường đi để trả lại cho gia đình ông M con đường có chiều rộng 02m, chiều dài 181m và bồi thường thiệt hại cho ông M theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét nội dung đơn kháng cáo của ông Bùi Quang M, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

Năm 2010, ông Bùi Quang M nhận chuyển nhượng của NLC1 02 thửa đất rẫy, trong đó có một hồ nước và 09 cuộn ống chìm, 04 cuộn ống nổi. Thực tế ống chìm được chôn từ hồ nước qua phần đất của gia đình NLC3 hiện nay đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Tiến C đến rẫy NLC1 chuyển nhượng cho ông M. NLC1 có bàn giao cho ông M 01 giấy chứng nhận con đường đi có nội dung: *"Con đường mòn rộng 02m đi qua rẫy NLC3, trước đây con đường này gia đình anh Mai Văn C và bà Nguyễn Thị L cùng đi. Nay anh C nhượng lại rẫy cho NLC1, NLC1 phải đi chung đường với NLC3, NLC1 phải đền bù lại cho NLC3 01 chỉ vàng 97%. NLC3 đã nhận đủ và cùng đi chung với NLC1"*. Có chữ ký của NLC3, NLC1 và người làm chứng ông C cùng ký tên (BL 237). Ngày 23/01/2011, NLC1 có viết giấy xác nhận lối đi có nội dung: *"Năm 1995 tôi (T) có mua của cô Nguyễn Thị L đường đi xuống hồ tưới nước cà phê, đường đi qua rẫy nhà NLC3 (Trước đây anh Mai Văn C với NLC3 cùng chung một đường đi, nay anh C bán rẫy cho tôi, tôi mua cả lối đi của NLC3). Con đường rộng rộng 02m. Hai bên giữa tôi và NLC3 đã làm giấy chứng nhận với nhau, có anh C người làm chứng cùng ký. Nay tôi viết giấy xác nhận này làm bằng chứng và bàn giao đường đi cho anh M mua rẫy của tôi"* (BL 238). Căn cứ vào giấy chứng nhận con đường đi và giấy xác nhận lối đi do NLC1 bàn giao cho ông M thì NLC3 có bán cho NLC1 đường đi qua rẫy của NLC3. Mặc dù trong giấy chứng nhận con đường đi không thể hiện vị trí, tứ cận con đường, nhưng trong giấy xác nhận lối đi do NLC1 viết thể hiện: *"Giấy xác nhận **lối đi xuống hồ nước tưới cà phê**... giữa NLC1 và NLC3 đã làm giấy chứng nhận với nhau có anh C người làm chứng cùng ký"*.

[2]. Quá trình giải quyết, ông M cho rằng đã bị thất lạc giấy chứng nhận con đường đi, nên không thể cung cấp chứng cứ cho Toà án. Thời điểm này ông C, NLC3 và NLC1 đều không thừa nhận có việc NLC3 bán cho NLC1 con đường đi xuống hồ nước với giá 01 chỉ vàng 97%, con đường đó do ông C, NLC3 cho gia đình NLC1 chôn ống nước và đi nhờ trên đất NLC3 (BL 33, 34). Sau khi ông Bùi Quang M cung cấp được chứng cứ giấy chứng nhận con đường đi (BL 237) thì NLC1, NLC3 và ông C lại cho rằng con đường trước đây NLC3 bán cho NLC1 01 chỉ vàng 97% nằm ở vị trí phía bên hông nhà ông C chứ không phải con đường NLC1 đã chôn ống nước và hiện nay ông M tranh chấp.

[3]. Tuy nhiên, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/4/2018 thể hiện: Vị trí con đường nằm phía sau sát nhà ông C, bắt đầu từ mép sân phía bên trái của gia đình ông C đến hồ nước của gia đình ông C đang sử dụng có chiều rộng 03m, dài 228m, phải đi qua sân của gia đình ông C. Vị trí một phần phía trên giáp sân nằm trong diện tích đất của gia đình ông C, phía dưới nằm trên diện tích đất của gia đình NLC3, nay đã chuyển nhượng cho gia đình ông C. Từ hồ nước của gia đình ông C sang hồ nước của gia đình ông Bùi Quang M dài

khoảng 500m nhưng không có lối đi qua. Giữa hồ của gia đình ông C đến rẫy của NLC1 (*nay đã chuyển nhượng cho ông Phạm Văn M1 cán bộ tư pháp xã Đ*) cũng không có lối đi qua toàn cây lô ô mọc. Trường hợp NLC1 mua của NLC3 con đường này mục đích để đi qua rẫy hiện nay đã chuyển nhượng cho ông Phạm Văn M1 (*cán bộ tư pháp xã*) như lời khai của NLC1, ông C và NLC3, thì khi chuyển nhượng rẫy cho ông Phạm Văn M1, NLC1 phải bàn giao giấy tờ mua con đường đó cho ông Phạm Văn M1 quản lý, để làm căn cứ sử dụng đường đi chung, nhưng trên thực tế con đường này không có lối đi qua rẫy của gia đình NLC1, nên NLC1 không thể mua của NLC3 con đường này được.

[4]. Vị trí con đường ông M đang tranh chấp dài 181m, rộng 03m bắt đầu từ con đường đất phía trước sân của gia đình ông C đến hồ nước tưới cà phê của NLC1 đã chuyển nhượng lại cho ông M và gia đình ông M đang sử dụng. Hồ nước của gia đình ông M có một cạnh bờ hồ phía Nam giáp với đất NLC1 (*nay đã chuyển nhượng cho ông Phạm Văn M1 cán bộ tư pháp xã Đ*). Do đó NLC1 sử dụng con đường này đi lại xuống hồ để tưới nước tưới cà phê và đi qua rẫy phía bên kia đồi là phù hợp. NLC1 không thể mua một con đường không có lối đi lại xuống hồ và đi qua rẫy của gia đình ông, con đường đó chỉ đi đến hồ nước của gia đình ông C, nên không thể có việc NLC3 bán cho NLC1 con đường bên hông nhà ông C được. Vì vậy, lời khai của NLC3, NLC1 và ông C là không có căn cứ.

[5]. Ranh giới con đường gia đình ông C đã trồng một hàng cây tiêu leo lên cây chôm còn sống và hai cây bơ. Phía giáp đất ông Phạm Nhật T thì ông T đã trồng một hàng cây cỏ voi phía trên để làm ranh giới, phía dưới là hàng cây le. Trên con đường gia đình NLC1 đã chôn một đường ông nước phi 60, hiện gia đình ông C đã đào lên khỏi mặt đất dài 105m, giữa con đường gia đình ông C đã đào lên và trồng một hàng cây cà phê (26 cây) trồng năm 2016.

[6]. Trước khi NLC1 chuyển nhượng rẫy cho ông Bùi Quang M gia đình NLC1 đã sử dụng con đường này để chôn ống nước từ đầu đường trước sân gia đình ông C xuống đến hồ nước và sử dụng đi lại xuống hồ và sang rẫy phía bên kia đồi. Năm 2010 NLC1 chuyển nhượng lại cho gia đình ông M thì gia đình ông M đã sử dụng con đường này không có tranh chấp, ranh giới con đường rõ ràng. Việc gia đình ông C đào đường để trồng cây cà phê và đào đường ống tưới không cho gia đình ông M sử dụng đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông M. Toà án cấp sơ thẩm căn cứ vào giấy tờ chuyển nhượng con đường không nêu rõ vị trí, tứ cận và lời khai của NLC1, NLC3, ông C cho rằng vị trí con đường NLC3 chuyển nhượng cho NLC1 nằm phía sau hông nhà của gia đình ông C và cũng không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với con đường này mà đã bác yêu cầu khởi kiện của ông M là có phần thiếu sót làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông M. Mặc dù kết quả xem xét thẩm định tại chỗ con đường hiện đang tranh chấp rộng 03m dài 181m, nhưng trong giấy chứng nhận con đường đi chỉ thể hiện con đường rộng 02m. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận chiều rộng con đường đi xuống hồ tưới cà phê của ông M rộng 02m là có căn cứ.

[7]. Đối với yêu cầu bồi thường 4.000.000 đồng do ống nước bị hư hỏng, tiền công lấp ống nước là 580.000 đồng, tiền mua nước và thuê người tưới cà phê là 4.500.000 đồng Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá chứng cứ và buộc ông C, bà G phải bồi thường cho ông M tiền ống nước bị hư hỏng, tiền công lắp cùm, tiền mua nước tưới, thuê công, tổng cộng là 5.080.000 đồng là có căn cứ. Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông M đối với nội dung yêu cầu ông C, bà G phải bồi thường số tiền còn lại.

[8]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông và quan điểm đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên toà là có căn cứ.

[9]. Từ phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Quang M, sửa bản án sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 22/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện K theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Quang M. Buộc ông Nguyễn Tiến C, bà Triệu Thị G phải chặt bỏ 26 cây cà phê trồng trên diện tích con đường đi xuống hồ nước tưới cà phê của gia đình ông M để khôi phục lại con đường đi chiều dài 181m, chiều rộng 02m. Buộc ông C, bà G phải bồi thường cho ông M 5.080.000 đồng tiền ống nước bị hư hỏng, tiền thuê công tưới, mua nước tưới và công lắp cùm ống nước.

[10]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Quang M được chấp nhận một phần, nên ông Nguyễn Tiến C, bà Triệu Thị G phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất (con đường đi) và 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại; Ông Bùi Quang M phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền yêu cầu bồi thường không được chấp nhận, được khấu trừ số tiền 452.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông M đã nộp theo biên lai số 0001772 ngày 13/6/2016 và biên lai số 0003405 ngày 18/11/2016, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Trả lại cho ông Bùi Quang M 152.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

[11]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: ông Nguyễn Tiến C, bà Triệu Thị G phải chịu 8.100.000 đồng. Do ông Bùi Quang M đã nộp tạm ứng nên ông C, bà G phải trả lại cho ông M 8.100.000 đồng.

[12]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Bùi Quang M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Bùi Quang M 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 9 Điều 26, Điều 38, Điều 39, Điều 42, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 202, Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Quang M.

Sửa án bản sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 22/01/2018 của Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Đăk Nông.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Quang M.

Đình chỉ xét xử đối với số tiền 1.000.000 đồng ông M đã rút không yêu cầu giải quyết.

Buộc ông Nguyễn Tiến C, bà Triệu Thị G phải chặt bỏ 26 cây cà phê trồng năm 2016, trồng trên con đường đi xuống hồ nước tưới cà phê của gia đình ông Bùi Quang M để khôi phục lại con đường đi cho gia đình ông Bùi Quang M sử dụng, chiều rộng 02m, chiều dài 181m, vị trí, tứ cận con đường cụ thể:

- Phía Đông giáp đường đất cạnh sân gia đình ông C rộng 02m;
- Phía Tây giáp hồ nước gia đình ông M đang sử dụng rộng 02m;
- Phía Nam giáp đất ông C, bà G dài 181m;
- Phái Bắc giáp đất ông Phạm Nhật T dài 181m.

Vị trí con đường đi nằm trong phần đất của NLC3 hiện nay đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Tiến C, bà Triệu Thị G. Địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện K, tỉnh Đăk Nông.

Buộc ông Nguyễn Tiến C, bà Triệu Thị G phải bồi thường cho ông Bùi Quang M tiền mua cùm lắp ống nước và tiền công lắp là 580.000 đồng, tiền mua nước tưới, thuê công tưới là 4.500.000 đồng, Tổng cộng là 5.080.000 đồng *(Năm triệu không trăm tám mươi nghìn đồng)*.

Áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự trong giai đoạn thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Tiến C, bà Triệu Thị G phải nộp 600.000 đồng *(Sáu trăm nghìn đồng)*. Ông Bùi Quang M phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền yêu cầu bồi thường không được chấp nhận, được khấu trừ vào số tiền 452.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông M đã nộp theo biên lai số 0001772 ngày 13/6/2016 và biên lai số 0003405 ngày 18/11/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Trả lại cho ông Bùi Quang M 152.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: ông Nguyễn Tiến C, bà Triệu Thị G phải chịu 8.100.000 đồng. Do ông Bùi Quang M đã nộp tạm ứng số tiền trên, nên ông C, bà G phải trả lại cho ông M 8.100.000 đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Bùi Quang M 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0000162 ngày 01/02/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đăk Nông.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- TAND huyện K;
- THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Tổ HC-TP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Thị Thông